

## THƯ MỤC

### TẠP CHÍ KINH TẾ VÀ PHÁT TRIỂN SỐ 236 THÁNG 2 NĂM 2017

Trung tâm Thông tin Thư viện trân trọng giới thiệu Thư mục Tạp chí Kinh tế và Phát triển số 236 tháng 2 năm 2017.

**1. Một số vấn đề về cải cách chế độ đại diện quyền chủ sở hữu tại hệ thống doanh nghiệp nhà nước nhằm góp phần hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam/ Trần Minh Đạo// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 236 tháng 2/2017 .- Tr. 2 – 8**

**Tóm tắt:** Vấn đề xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam vẫn là chủ đề được Đảng và Nhà nước rất quan tâm. Đây rõ ràng là điều không thể chậm trễ hơn được nữa nếu Việt Nam muốn không lạc hậu trong dòng chảy của nền kinh tế thị trường thế giới. Trên thực tế, mặc dù đã trải qua 30 năm chuyển đổi mô hình kinh tế, song cho đến nay Việt Nam vẫn chưa có một thể chế kinh tế thị trường đầy đủ và đúng nghĩa. Một trong những nguyên nhân của sự chậm trễ này, theo tác giả, bắt nguồn từ quá trình chậm đổi mới và cải cách nhanh hệ thống doanh nghiệp nhà nước (DNNN). Bài viết này sẽ bàn vấn đề lựa chọn bước đi mô hình tiếp tục đổi mới chế độ đại diện quyền chủ sở hữu tại hệ thống DNNN ở Việt Nam – một trong những rào cản chính của tiến trình hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XII của Đảng cộng sản Việt Nam.

**Từ khóa:** Thể chế; Kinh tế thị trường; Doanh nghiệp nhà nước; Chế độ sở hữu

**2. Liên kết kinh tế trong nền kinh tế Việt Nam: Cách tiếp cận từ ma trận hạch toán xã hội/ Nguyễn Mạnh Toàn, Nguyễn Thị Hương// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 236 tháng 2/2017 .- Tr. 9 – 16**

**Tóm tắt:** Có nhiều cách thức khác nhau để đo lường tầm quan trọng và mức độ ảnh hưởng của một ngành lên toàn bộ nền kinh tế. Phân tích Ma trận hạch toán xã hội (SAM) để tính toán các liên kết là cách tiếp cận phổ biến được ứng dụng tại nhiều quốc gia. Sử dụng SAM Việt Nam năm 2012, bài viết đo lường độ lớn liên kết kinh tế bằng cách tính toán các nhân tử từ SAM. Từ đó, các ngành có liên kết mạnh được nhận diện nhằm gợi mở các chính sách kinh tế phù hợp với tình hình hiện tại của nền kinh tế Việt Nam. Kết quả cho thấy, các ngành có liên kết mạnh là ngành nông nghiệp, công nghiệp chế biến thực phẩm và ngành thủy sản. Vì vậy, các công cụ và biện pháp chính sách nên ưu tiên vào những ngành này.

**Từ khóa:** Nhân tử sản lượng; Nhân tử thu nhập; Nhân tử VA; Liên kết kinh tế

**3. Mối quan hệ giữa thâm hụt ngân sách Nhà nước và thâm hụt cán cân vãng lai tại Việt Nam/ Nguyễn Tuấn Kiệt, Nguyễn Toàn Trung// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 236 tháng 2/2017 .- Tr. 17 – 25**

**Tóm tắt:** Thâm hụt ngân sách Nhà nước và cán cân vãng lai là những chỉ số quan trọng của nền kinh tế đã được nghiên cứu nhiều ở các nước trên thế giới. Mối quan hệ giữa hai đại lượng này không giống nhau ở các nền kinh tế khác nhau. Mục tiêu của nghiên cứu này là xác định mối quan hệ giữa thâm hụt ngân sách Nhà nước và thâm hụt cán cân vãng lai tại Việt Nam giai đoạn 2000-2014. Kết quả nghiên cứu cho thấy mối quan hệ dương (+) một chiều từ thâm hụt ngân sách Nhà nước đến thâm hụt cán cân vãng lai. Cuối cùng, dựa vào kết quả nghiên cứu, tác giả đề xuất một số hàm ý chính sách phù hợp đối với nền kinh tế Việt Nam.

**Từ khóa:** Thâm hụt ngân sách; Thâm hụt cán cân vãng lai; Kinh tế Việt Nam

**4. Các yếu tố tác động đến thanh khoản ngân hàng – thực tiễn nghiên cứu tại Việt Nam/ Nguyễn Hoàng Phong, Phan Thị Thu Hà// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 236 tháng 2/2017 .- Tr. 26 – 36**

**Tóm tắt:** Nghiên cứu sử dụng các phương pháp dữ liệu bảng tĩnh và dữ liệu bảng động nhằm phân tích các yếu tố tác động đến thanh khoản của 32 ngân hàng thương mại Việt Nam trong giai đoạn 2006-2015. Thanh khoản ngân hàng được đo lường bằng tỷ lệ tài sản thanh khoản trên tổng tài sản (11) và tỷ lệ tài sản thanh khoản trên vốn vay huy động ngắn hạn (12). Các yếu tố tác động được chia thành các nhóm gồm yếu tố bên trong ngân hàng, yếu tố kinh tế vĩ mô và yếu tố điều kiện thị trường. Kết quả ước lượng cho thấy các tỷ lệ thanh khoản ngân hàng có mối tương quan thuận với tỷ lệ vốn chủ sở hữu, mức độ tập trung thị trường, lãi suất liên ngân hàng, tăng trưởng kinh tế và có mối tương quan nghịch với quy mô ngân hàng cũng như chịu sự tác động độ trễ thanh khoản kỳ trước.

**Từ khóa:** Ngân hàng; Thanh khoản; Yếu tố tác động

**5. Tác động của quản trị công ty đến mức độ công bố thông tin kế toán của các công ty niêm yết – bằng chứng thực nghiệm của VN30/ Trần Quốc Thịnh, Lê Hoàng Việt Hà// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 236 tháng 2/2017 .- Tr. 37 – 43**

**Tóm tắt:** Thông tin kế toán có vai trò quan trọng đối với người sử dụng. Việc quy định về công bố thông tin kế toán đối với các công ty niêm yết đã được cụ thể. Tuy nhiên thực trạng việc công bố thông tin của các doanh nghiệp đến người sử dụng vẫn còn những khoảng cách nhất định bởi do nhiều yếu tố tác động. Để đánh giá được toàn diện, tác giả đã khảo sát thực nghiệm về tác động quản trị công ty đến mức độ công bố thông tin kế toán của các công ty niêm yết VN30 trong giai đoạn 2012-2014. Kết quả cho thấy mức độ tập trung quyền sở hữu là nhân tố làm giảm mức độ công bố thông tin kế toán của các công ty. Từ đó tác giả đề xuất cơ quan nhà nước cần quy định rõ về tỷ lệ, công khai tỷ lệ

sở hữu những cổ đông lớn, cũng như các công ty niêm yết cần phải có trách nhiệm trong việc công bố thông tin kế toán cho người sử dụng.

**Từ khóa:** Quản trị công ty; Công bố thông tin; VN30

**6. Thời điểm xuất hiện các tình tiết trong một phim quảng cáo: Những tác động đến cảm xúc và thái độ về quảng cáo theo thời gian/** Vũ Thị Ngọc Thúy// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 236 tháng 2/2017 .- Tr. 44 – 51

**Tóm tắt:** Dựa vào lý thuyết về sự ghi nhớ và nhớ lại, nghiên cứu tìm hiểu tầm quan trọng của thời điểm xuất hiện các tình tiết trong một đoạn phim quảng cáo (đầu, giữa hay cuối) trong việc tạo cảm xúc và thái độ chung về quảng cáo. Để kiểm định các giả thuyết đã đặt ra, 4 nhóm nữ sinh viên (167 người/nhóm) tham gia đánh giá 4 quảng cáo có cùng nội dung nhưng thời điểm xuất hiện của các tình tiết được hoán đổi. Quảng cáo 1 mở đầu với một tình tiết tạo cảm xúc mạnh. Tình tiết này được xếp ở vị trí cuối cùng trong quảng cáo 2 và ở giữa trong quảng cáo 3. Quảng cáo 4 gồm 3 tình tiết bình thường. Đánh giá được thực hiện ở hai thời điểm (ngay sau khi vừa xem xong và một tháng sau). Kết quả cho thấy phim quảng cáo kết thúc bằng một tình tiết gây cảm xúc mạnh mang lại cảm xúc và thái độ chung về quảng cáo mạnh hơn quảng cáo mở đầu với tình tiết tương tự. Điều thú vị là một tháng sau, kết quả này ngược lại.

**Từ khóa:** Cảm xúc và thái độ; Quảng cáo; Sự ghi nhớ và nhớ lại; Tính thời điểm

**7. Giải pháp thoát nghèo cho các đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bình Phước/** Lê Đình Hải// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 236 tháng 2/2017 .- Tr. 52 – 60

**Tóm tắt:** Mục tiêu của nghiên cứu này là xác định các nhân tố chính ảnh hưởng đến tái nghèo của các hộ đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bình Phước và đề xuất một số giải pháp nhằm thoát nghèo cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số. Thông qua thu thập số liệu từ 120 hộ đồng bào dân tộc thiểu số tại tỉnh Bình Phước và ứng dụng mô hình hồi quy Binary Logistics Regression cho việc phân tích số liệu, nghiên cứu đã xác định được các nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến tình trạng tái nghèo của các hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số được sắp xếp theo thứ tự như sau: (1) số người phụ thuộc của hộ; (2) tuổi chủ hộ; (3) tình độ học vấn của chủ hộ; (4) được vay vốn ngân hàng; (5) diện tích đất của hộ. Kết quả nghiên cứu có thể làm cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp nhằm giúp các hộ đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bình Phước thoát nghèo bền vững.

**Từ khóa:** Hộ gia đình; Dân tộc thiểu số; tái nghèo; Thoát nghèo; Giải pháp

**8. Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định phân nản của khách hàng sử dụng dịch vụ di động tại Cần Thơ/** Nguyễn Thanh Liêm, Bùi Văn Trịnh// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 236 tháng 2/2017 .- Tr. 61 – 71

**Tóm tắt:** Phần này đóng vai trò quan trọng đối với việc duy trì sự trung thành của khách hàng. Nó giúp các nhà quản lý nhận biết các vấn đề xảy ra với khách hàng để có các chính sách quản trị hiệu quả hơn. Nghiên cứu này tiếp cận dựa theo Lý thuyết công bằng và mở rộng mô hình nghiên cứu bằng cách kết hợp niềm tin và Cảm nhận trách nhiệm nhằm tăng tính giải thích. Một cuộc khảo sát lát cắt được thực hiện, thu thập dữ liệu từ 305 khách hàng của Mobifone, Vinaphone và Viettel ở Cần Thơ. Kết quả phân tích bằng phương pháp SEM đã chỉ ra ảnh hưởng của công bằng phân phối, công bằng tương tác, và niềm tin đối với sự hài lòng của khách hàng cũng như ý định phần này. Nhưng không có bằng chứng để khẳng định vai trò của công bằng thủ tục. Kết quả còn cho thấy vai trò điều tiết của cảm nhận trách nhiệm đối với mối quan hệ giữa hài lòng và ý định phần này. Từ đó đề xuất một số ứng dụng trong thực tiễn và hướng nghiên cứu trong tương lai.

**Từ khóa:** Cảm nhận trách nhiệm; Dịch vụ điện thoại di động; Lý thuyết công bằng; Niềm tin; Ý định phần này

**9. Các nhân tố ảnh hưởng đến chấp nhận sử dụng dịch vụ E-Banking của khách hàng cá nhân tại SCB – chi nhánh Chợ Hàn/ Lê Đức Toàn, Hồ Văn Nhân, Nguyễn Thị Kim Uyên// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 236 tháng 2/2017 .- Tr. 72 – 81**

**Tóm tắt:** Nghiên cứu nhằm phân tích các nhân tố và mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến chấp nhận sử dụng dịch vụ E-Banking tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - chi nhánh Chợ Hàn, TP Đà Nẵng. Số liệu sơ cấp sử dụng từ kết quả điều tra 226 khách hàng cá nhân; các phương pháp EFA, CFA và SEM được dùng. Kết quả nghiên cứu cho thấy các nhân tố ảnh hưởng đến việc chấp nhận dịch vụ SCB E-Banking tại Ngân hàng, đó là: Hiệu quả mong đợi; Khả năng tương thích; Nhân thức dễ dàng sử dụng; Chuẩn chủ quan; Rủi ro trong giao dịch. Và kết quả nghiên cứu cho thấy có một số điểm khác biệt so với các nghiên cứu trước đây như nhân tố Hình ảnh ngân hàng, Yếu tố pháp luật và Nhận thức kiểm soát hành vi không ảnh hưởng đến việc sử dụng dịch vụ SCB E-Banking đồng thời cũng phát hiện Nhân tố chuẩn chủ quan có ảnh hưởng đến việc sử dụng dịch vụ SCB E-Banking.

**Từ khóa:** Dịch vụ E-Banking; Phân tích nhân tố khám phá (EFA); Phân tích nhân tố khẳng định (CFA), Mô hình cấu trúc tuyến tính (SEM)

**10. Ảnh hưởng của hình ảnh điểm đến, giá trị cảm xúc tới sự hài lòng và tính trung thành của du khách: nghiên cứu trường hợp thành phố Đà Lạt/ Phan Minh Đức, Đào Trung Kiên// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 236 tháng 2/2017 .- Tr. 82 – 91**

**Tóm tắt:** Nghiên cứu này được thiết kế để đánh giá ảnh hưởng của hình ảnh điểm đến, giá trị cảm xúc tới sự hài lòng và tính trung thành của du khách: nghiên cứu trường hợp thành phố Đà Lạt. Nghiên cứu sử dụng điều tra bằng bảng hỏi và các phương pháp phân

tích dữ liệu đa biến (Cronbach Alpha test, EFA, CFA, SEM). Kết quả nghiên cứu từ 503 khách hàng tại thành phố Đà Lạt cho thấy hình ảnh điểm đến và giá trị cảm xúc có ảnh hưởng trực tiếp tới sự hài lòng du khách và ảnh hưởng gián tiếp tới tính trung thành.

**Từ khóa:** Hình ảnh điểm đến; Giá trị cảm xúc; Sự hài lòng; Tính trung thành

**11. Các nhân tố ảnh hưởng đến việc áp dụng hệ thống thông tin kế toán quản lý tại các công ty kinh doanh khách sạn trên địa bàn Đà Nẵng/ Nguyễn Thị Lãnh// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 236 tháng 2/2017 .- Tr. 92 – 100**

**Tóm tắt:** Nghiên cứu này nhằm chứng minh bằng thực nghiệm rằng: (1) môi trường kinh doanh là một trong những yếu tố đóng một vai trò quan trọng trong việc áp dụng hệ thống thông tin kế toán quản lý (32,6%); (2) đạo đức là một trong những yếu tố đóng một vai trò quyết định đến việc áp dụng các hệ thống thông tin kế toán quản lý (43,7%); (3) văn hóa tổ chức được xây dựng sẽ hỗ trợ việc áp dụng các hệ thống thông tin kế toán quản lý (13,3%); và trong nghiên cứu này tác giả còn phân tích thêm ảnh hưởng của hệ thống thông tin kế toán quản lý đến chất lượng thông tin kế toán quản lý (74,8%) tại các công ty kinh doanh khách sạn trên địa bàn Đà Nẵng. Mô hình được sử dụng khi nghiên cứu là mô hình đa cấu trúc (SEM).

**Từ khóa:** Môi trường kinh doanh; Đạo đức; Văn hóa tổ chức; Áp dụng các hệ thống thông tin quản lý kế toán; Chất lượng của thông tin kế toán quản lý

**Trung tâm Thông tin Thư viện**